

Bản án số: 166/2018/HS-ST

Ngày: 21-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT H
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo

2. Ông Nguyễn Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 216/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1860/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

A, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1984 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn A1, xã A2, huyện A3, tỉnh A4; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: H; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt H; con ông B và bà C; Có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 13/4/2016, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ra Quyết định số 67/QĐ-TA về việc đưa A vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 01 năm 03 tháng với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Nhân thân: Tháng 02/2002 A có hành vi trộm cắp vật nên bị đưa đi tập trung tại Trường giáo dưỡng số 2. Ngày 16/01/2003, Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phong ra Quyết định xử phạt hành chính đối với A về hành vi tham gia lấy trộm 27m dây điện. Ngày 10/4/2003, A bị Tòa án nhân dân huyện Stỉnh N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 07)

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 27/12/2017 (Có mặt).

Bị hại:

1/ **Ông D**, sinh năm 1963, quốc tịch: Hàn Quốc

Nơi cư trú: 126 Hà Huy Tập, phường L, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2/ **Bà E**, sinh năm 1954, quốc tịch: Hàn Quốc

Nơi cư trú: 60 M, phường L, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3/ **Bà F**, sinh năm 1973

Nơi cư trú: 29 đường Nội Khu Hưng Phước 2, phường L, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4/ **Bà G**, sinh năm 1953

Nơi cư trú: số 12, đường số 10, khu dân cư ven sông, phường L, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/11/2017, Tổ trình sát hình sự Công an Quận X trong quá trình tuần tra phát hiện hai đối tượng là H điều khiển xe Wave RSX biển số 61E – 090.96 chở A lưu thông trong khu vực đô thị X1, phường L, Quận X thì H đi về, không biết việc A đi trộm cắp. A đi xung quanh khu vực phường L để tìm nhà có sơ hở thực hiện việc trộm cắp tài sản. Từ ngày 10/9/2017 đến ngày 02/10/2017, A đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại nhà người dân trong khu vực X1, Quận X, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 10/9/2017, H chở A từ thị xã I, K đến khu vực X1, phường L, Quận X rồi đi về. Sau đó, A đi bộ ngang qua nhà số 60 M, phường L, Quận X phát hiện cửa sổ nhà bếp mở nên A leo lên cửa sổ nhà bếp đột nhập vào nhà. Khi vào nhà, A đi thẳng lên lầu một vào phòng ngủ thì thấy bà E (Hàn Quốc) đang nằm ngủ, kế bên có ba cái điện thoại di động (01 ĐTDĐ Samsung J5, 01 ĐTDĐ Samsung J3, 01 ĐTDĐ Internet) để trên bàn gỗ. Thấy vậy, A lấy ba chiếc điện thoại rồi đi ra khỏi nhà theo lối đã đột nhập vào.

Vụ thứ 2: Tương tự vụ 1, sau khi rời khỏi số nhà 60 M, A đi bộ đến nhà số 29 đường nội khu Hưng Phước II thì phát hiện nhà này đang mở cửa sổ nên A leo hàng rào đột nhập vào nhà. Sau đó, A đi lên lầu trên cùng, nhìn thấy cửa phòng mở hé, bên trong có bà F đang nằm ngủ, bên cạnh có một điện thoại di động Samsung Note 3 để trên thảm chùi chân. A đã lấy điện thoại rồi đi ra khỏi nhà bằng lối đã đột nhập vào.

Sau đó, A đón taxi đến tỉnh K và bán bốn chiếc điện thoại lấy trộm được cho một công nhân không rõ lai lịch ở ngã tư 550, khu công nghiệp O, tỉnh K với giá 9.500.000 đồng rồi sử dụng mua ma túy đá, chơi game và tiêu sài cá nhân.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 02/10/2017, H chở A đến phường L, Quận X rồi H đi về. Sau đó, A đi bộ đến nhà số 12 đường số 10 và thấy nhà này đang mở cửa nên A leo hàng rào nhà số 14 (sát nhà

số 12) để treo qua cửa sổ đột nhập vào tầng một nhà số 12. Khi vào trong nhà, A nhìn thấy bà G nằm ngủ, có một ví tiền để trên bàn, A mở bóp lấy ra 3.000.000 đồng rồi tẩu thoát bằng đường đột nhập vào. A dùng số tiền 3.000.000 đồng lấy trộm được để chơi game và sử dụng ma túy.

Vụ thứ 4: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 01/10/2017, H chở A đến phường L, Quận X rồi H đi về. Sau đó, A đi bộ đến nhà số 126 V nhìn thấy cửa sổ lầu một đang mở nên leo rào, chui qua cửa sổ đột nhập vào nhà. A đi thẳng lên lầu, nhìn thấy có một phòng đang mở cửa, bên trong có ông D nằm ngủ bên cạnh có bốn chiếc điện thoại di động để trên thảm cạnh chân giường. A đi vào lấy hai chiếc điện thoại di động (01 Samsung S7 và 01 Samsung S8) vì nghe có tiếng người nên A tẩu thoát ra ngoài bằng đường đột nhập vào. Lấy xong tài sản, A cũng mang hai chiếc điện thoại lấy được đến ngã tư 550, khu công nghiệp O, tỉnh K cho một công nhân không rõ lai lịch với giá 8.000.000 đồng. A sử dụng số tiền bán được để chơi game và ma túy đá.

Tại cơ quan điều tra, A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, trình báo của các bị hại E, D, F và G.

Riêng H khai nhận: Đã nhiều lần A thuê H chở từ thị xã I, K đến khu vực X1, phường L, Quận X với giá 500.000 đồng/lượt. Khi chở A đến nơi thì H đi về, không biết A thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Theo Kết luận định giá tài sản số 373/KL-HĐĐTTHS ngày 21/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận X, kết luận:

- + 01 ĐTDĐ Samsung J5 đã qua sử dụng có trị giá là 2.500.000 đồng;
- + 01 ĐTDĐ Samsung J3 đã qua sử dụng có trị giá là 2.100.000 đồng;
- + 01 ĐTDĐ Internet đã qua sử dụng có trị giá là 600.000 đồng;
- + 01 ĐTDĐ Samsung S7 đã qua sử dụng có trị giá là 7.500.000 đồng;
- + 01 ĐTDĐ Samsung S8 đã qua sử dụng có trị giá là 11.500.000 đồng;

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Masstel: 301014164004571 của bị can A

- 01 xe Wave RSX màu trắng đỏ đen biển số 61E1-09096, SK: Y195017, SM: 6119975; 01 điện thoại di động Samsung J5 thu giữ của H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận X đã trả lại cho H.

Trách nhiệm dân sự: Bà C là mẹ của bị can A đã bồi thường cho các bị hại nên các bị hại có đơn không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số: 143/CT-VKS-P2 ngày 06/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo A 02 (hai) năm đến 02 (hai) 06 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Bị cáo A thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại E, D, F và G vắng mặt và không yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Vào khoảng tháng 09/2017, lợi dụng sơ hở của các bị hại là bà E, D, bà F, bà G trong việc quản lý tài sản, bị cáo A đã 04 lần thực hiện hành vi lén lút đột nhập vào nhà các bị hại tại khu vực phường L, Quận X bằng cách leo cửa sổ, leo hàng rào rồi vào phòng, nơi có tài sản và chiếm đoạt số tài sản gồm 06 chiếc điện thoại di động, 3.000.000 đồng. Theo Kết luận định giá tài sản số 373/KL-HĐĐGTTHS ngày 21/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận X thì tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 29.300.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo A đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo A là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại nên áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đã thực hiện 04 lần hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi hành vi đều thể hiện đầy đủ yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo.

Mặt khác, bị cáo tuy không có tiền án, nhưng có 01 tiền sự và nhân thân rất xấu. Về tiền sự, ngày 13/4/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp ra Quyết định số 67/QĐ áp dụng hình thức đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 01 năm 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Về nhân thân, bị cáo đã từng bị đưa đi tập trung tại Trường giáo dưỡng số 2, ngày 16/01/2003, bị Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phong ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi tham gia trộm 27m dây điện, đặc biệt năm 2003, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện S tỉnh N xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy đây không phải là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cũng cần cân nhắc khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo A.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo A có bà C (mẹ bị cáo), ông H (anh họ bị cáo) đã bồi thường cho các bị hại bà E, D, bà F và các bị hại trên có đơn không yêu cầu bồi thường gì khác. Riêng bà G có đơn yêu cầu không bồi thường do giá trị tài sản bà bị chiếm đoạt không lớn nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe Wave RSX màu trắng đỏ đen biển số 61E1-09096, SK: Y195017, SM: 6119975; 01 điện thoại di động Samsung J5 thu giữ của Vũ Hoài H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X đã trả lại cho Vũ Hoài H nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Masstel (bên trong có 01 thẻ sim điện thoại, không kiểm tra sim, số imei 1: 301014164004571, số imei 2: 301014164004589, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong điện thoại) của A là tài sản không có liên quan đến việc phạm tội cần giao trả cho bị cáo A.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Điều 38; điểm g, khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 Điều 46 năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2017.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Trả lại cho A: 01 (một) điện thoại di động màu xanh hiệu Masstel (bên trong có 01 thẻ sim điện thoại, không kiểm tra sim, số imei 1: 301014164004571, số imei 2: 301014164004589, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong điện thoại. (Biên bản giao nhận tang tài vật số 181/18 ngày 16/4/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo A phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thành phần Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán

VŨ VĂN LỆ

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bị hại; (4)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ VĂN LỆ